TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1158/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Lương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 545/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 276/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, năm sinh 1983; địa chỉ: tổ 3, ấp 4, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đường Hiệp T, năm sinh 1979; địa chỉ: Số 254/63/3 (số cũ 27/16A) đường C, Phường Q, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày: Bà và ông Đường Hiệp T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2012 ngày 15/02/2012 do

Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp. Sống chung được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên đánh bạc, không lo làm ăn, bà và gia đình chồng đã khuyên bảo nhưng ông T vẫn không nghe. Bà và ông T không còn sống chung với nhau từ năm 2010. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên bà H yêu cầu ly hôn ông Đường Hiệp T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đường Bửu N, ngày sinh 04/11/2003 và Đường Bảo N1, ngày sinh 20/7/2005. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đường Hiệp T vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Ngọc H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Đường Hiệp T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Thanh S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15/02/2012 thể hiện hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp. Bà H không còn tình cảm với ông T, hiện mỗi người sống một nơi. Tại phiên tòa ông T vắng mặt, điều đó thể hiện ông T đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn ông T là có cơ sở.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đường Bửu N, ngày sinh 04/11/2003 và Đường Bảo N1, ngày sinh 20/7/2005. Các con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ, bà H cũng yêu cầu được nuôi các con chung nên có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Ngọc H yêu cầu ly hôn ông Đường Hiệp T, Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét ông Đường Hiệp T hiện cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bà H khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét bị đơn ông Đường Hiệp T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Đường Hiệp T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Ông Đường Hiệp T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử dựa trên yêu cầu khởi kiện và căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H xuất trình để xem xét giải quyết và Tòa án xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2012 ngày 15/02/2012 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5] Xét bà H và ông T chung sống với nhau không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên bà H yêu cầu ly hôn ông T. Đối với ông T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T đến trụ sở Tòa án để làm bản tự khai cũng như hòa giải nhưng ông T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc H ly hôn ông Đường Hiệp T.

[6] Xét quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Đường Bửu N, ngày sinh 04/11/2003 và Đường Bảo N1, ngày sinh 20/7/2005. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà H và ông T không còn sống chung từ năm 2010, hiện bà H là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Đối với trẻ N và trẻ N1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Đồng thời, ông T không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

[7] Xét về cấp dưỡng nuôi con, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và ông T không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông T nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà H không yêu cầu.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc H khai không có.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H ly hôn ông Đường Hiệp T.

2. Về con chung: Giao bà Nguyễn Ngọc H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Đường Bửu N, ngày sinh 04/11/2003 và Đường Bảo N1, ngày sinh 20/7/2005. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đường Hiệp T do bà Nguyễn Ngọc H không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được cấn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008403 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Nguyễn Ngọc H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đường Hiệp T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tuấn Nhu